

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC      LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

**1. TÊN HỌC PHẦN**

|              |                                    |                |
|--------------|------------------------------------|----------------|
| Tiếng Việt:  | HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ           |                |
| Tiếng Anh:   | INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION |                |
| Mã học phần: | TMKQ 1107                          | Số tín chỉ: 03 |

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

Họ và tên: **TS. Đỗ Thị Hương**

Văn phòng: Phòng 906 nhà A1, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Điện thoại: 0915325408

Email: [dthuong@neu.edu.vn](mailto:dthuong@neu.edu.vn)

Các giảng viên tham gia:

1. GS.TS Đỗ Đức Bình – Bộ môn Kinh tế quốc tế
2. PGS.TS Ngô Thị tuyết Mai – Bộ môn Kinh tế quốc tế

**3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:** Không

**4. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

- Nghiên cứu lý thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm khái niệm, đặc trưng, bản chất, tính tất yếu khách quan, các cấp độ và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế

- Nghiên cứu tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế; những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Giới thiệu những nét cơ bản về một số tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Tổ chức thương mại thế giới, bao gồm mục tiêu, chức năng, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế của các nước thành viên.

- Nghiên cứu những quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế, nắm bắt được những xu hướng vận động khách quan, tính quy luật và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên hiểu rõ chức năng, nguyên tắc hoạt động, những quy định và vai trò của các tổ chức kinh tế quốc tế và hiểu được cơ sở khoa học và thực tiễn của việc điều chỉnh các chính sách của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Cụ thể như sau:

| Mục tiêu | Mô tả mục tiêu   | CDR của CTĐT | Mức độ năng lực |
|----------|--|--------------|-----------------|
| [1]      | [2]  | [3]          | [4]             |
| G1       | <b>Chuẩn kiến thức:</b> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế để đánh giá, phân tích tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới việc ra quyết định kinh doanh trong các hoạt động kinh doanh quốc tế.            | CDR 1.8      | 2               |
| G2       | <b>Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm:</b> Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế để phân tích tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới việc ra quyết định kinh doanh trong các hoạt động kinh doanh quốc tế. | CDR 3.1      | 2               |

## 6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

| Mã CDR      | Mô tả CDR học phần                          | Liên kết với CDR của CTĐT   | Mức độ năng lực (Bloom) |   |
|-------------|---|---|-------------------------|---|
| [1]         | [2]   | [3]   | [4]                     |   |
| <b>LO.1</b> | <b>Chuẩn kiến thức</b>                      |   |                         |   |
| G1          | LO.1.1                                      | Sinh viên nhận biết được những xu hướng vận động khách quan, tính quy luật và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế.  | CDR 1.8                 | 2 |
|             | LO.1.2                                      | Sinh viên hiểu tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới việc ra quyết định kinh doanh trong các hoạt động kinh doanh quốc tế.  | CDR 1.8                 | 2 |
| <b>LO.2</b> | <b>Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm</b> |   |                         |   |
| G3          | LO.2.1                                      | Sinh viên có năng lực làm việc độc lập, có khả năng lập kế hoạch, thực hiện, điều phối, đánh giá tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. | CDR 3.1                 | 2 |

## 7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

### CHƯƠNG 1- TỔNG QUAN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

*Giới thiệu khái quát về chương:* Chương 1 giới thiệu tổng quan về môn học hội nhập kinh tế quốc tế. Với chương này, người học sẽ được trang bị những kiến thức để hiểu khái quát về môn học, nắm vững mục tiêu, phương pháp và đối tượng của môn học. Nhờ đó sẽ có cách nhìn tổng quan và hệ thống khi nghiên cứu môn học.

Chương 1 mở đầu bằng việc trình bày tổng quan về lịch sử hội nhập kinh tế quốc tế, qua các thời kỳ, các giai đoạn thăng trầm của nó và nguyên nhân. Phần thứ hai sẽ trình bày các khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế cơ bản. Phần thứ ba

sẽ khái quát hóa các xu hướng hội nhập kinh tế cơ bản và phân tích về lợi ích và chi phí của hội nhập. Phần thứ tư hệ thống hóa các nhân tố ảnh hưởng đến hội nhập kinh tế quốc tế. Và phần cuối cùng cung cấp cho người cái nhìn tổng quan về môn học gồm đối tượng, phương pháp của môn học và cấu trúc của giáo trình.

- 1.1. LỊCH SỬ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
- 1.2. KHÁI NIỆM HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ CÁC HÌNH THỨC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
- 1.3. CÁC XU HƯỚNG, LỢI ÍCH VÀ NHỮNG ĐIỂM BẤT LỢI CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
  - 1.3.1. Các xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế
  - 1.3.2. Lợi ích của hội nhập kinh tế quốc tế
  - 1.3.3. Những điểm bất lợi của hội nhập kinh tế quốc tế
- 1.4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA MỘT QUỐC GIA
  - 1.4.1. Vai trò của thương mại quốc tế
  - 1.4.2. Di trú
  - 1.4.3. Di chuyển vốn quốc tế
  - 1.4.4. Tiến bộ công nghệ
  - 1.4.5. Vai trò của thể chế
  - 1.4.6. Mức độ thị trường hóa nền kinh tế
- 1.5. TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
  - 1.5.1. Đối tượng của môn học
  - 1.5.2. Phương pháp của môn học
  - 1.5.3. Bộ cục giáo trình

## **CHƯƠNG 2 - LÝ THUYẾT HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

### ***Giới thiệu khái quát về chương:***

Trong chương này, các mục đầu chương sẽ trình bày các lý thuyết cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm lý thuyết về liên minh hải quan, lý thuyết về khu vực thương mại tự do và lý thuyết về thị trường chung. Nội dung các lý thuyết đó bao gồm các khái niệm cơ bản và các mô hình đánh giá tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Ở đây người học sẽ được trang bị không chỉ những lý thuyết chung của kinh tế học liên quan đến thương mại quốc tế, mà cả những lý thuyết đặc thù của kinh tế học quốc tế như lý thuyết về tạo lập thương mại và chuyển dịch thương mại.

Phần cuối của chương sẽ giới thiệu một cách khái quát những phương pháp phân tích định lượng được sử dụng phổ biến trong phân tích tác động của hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài phần giới thiệu chung còn trình bày một số ví dụ minh họa việc ứng dụng các mô hình trên thực tế. Những ví dụ đó sẽ gợi ý cho người học cách thức vận dụng các mô hình lý thuyết vào nghiên cứu thực tế.

- 2.1. LỊCH SỬ VỀ LÝ THUYẾT HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
- 2.2. LÝ THUYẾT LIÊN MINH HẢI QUAN
  - 2.2.1. Tác động tĩnh của liên minh hải quan
  - 2.2.2. Những tác động động của liên minh hải quan
- 2.3. LÝ THUYẾT KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO
  - 2.3.1. Khái niệm về khu vực thương mại tự do

- 2.3.2. Tác động của khu vực thương mại tự do đến các quốc gia thành viên
- 2.4. LÝ THUYẾT VỀ THỊ TRƯỜNG CHUNG
  - 2.4.1. Khái niệm về thị trường chung
  - 2.4.2. Tác động của thị trường chung
- 2.5. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG ĐỐI VỚI HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
  - 2.5.1. Khái quát về các phương pháp định lượng đối với hội nhập kinh tế quốc tế
  - 2.5.2. Ví dụ minh họa về đánh giá định lượng đối với hội nhập kinh tế quốc tế

### **CHƯƠNG 3 - TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI**

#### ***Giới thiệu khái quát về chương***

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) là một tổ chức quốc tế điều phối thương mại toàn cầu có vai trò quan trọng bậc nhất hiện nay. Là thành viên của WTO, các nước sẽ được hưởng các lợi ích và một môi trường thương mại bình đẳng của hệ thống thương mại đa biên. Việc thực thi các cam kết mở cửa thị trường sẽ buộc các thành viên phải dỡ bỏ các rào cản bảo hộ, điều đó sẽ khuyến khích cải cách và tự do hoá kinh tế và thương mại. Việt Nam đã trở thành thành viên của WTO vào ngày 11 tháng 01 năm 2007. Đây là một cột mốc và là một bước đột phá quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Hệ thống thương mại đa biên được điều chỉnh bởi những qui tắc chung của hệ thống và bộ hiệp định của WTO. Thực thi các qui tắc và hiệp định đó là nghĩa vụ bắt buộc của mọi Thành viên. Chương này, ngoài phần giới thiệu tổng quan về WTO sẽ đặt trọng tâm vào việc trình bày các qui tắc và hiệp định cơ bản của nó.

- 3.1. GATT VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI
- 3.2. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CHỨC NĂNG CỦA WTO
  - 3.2.1. Mục tiêu của WTO
  - 3.2.2. Nhiệm vụ và chức năng của WTO
- 3.3. CÁC NGUYÊN TẮC CỦA HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI CỦA WTO
  - 3.3.1. Không phân biệt đối xử
  - 3.3.2. Thương mại tự do hơn: từng bước thông qua đàm phán
  - 3.3.3. Có thể dự đoán: thông qua cam kết ràng buộc và sự minh bạch
  - 3.3.4. Khuyến khích cạnh tranh công bằng
  - 3.3.5. Khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế
- 3.4. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH CỦA WTO
  - 3.4.1. Cơ cấu tổ chức của WTO
  - 3.4.2. Quá trình ra quyết định của WTO
- 3.5. CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA WTO
  - 3.5.1. Tổng quan về các hiệp định của WTO
  - 3.5.2. Hiệp định Nông nghiệp
  - 3.5.3. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS)
  - 3.5.4. Hiệp định các Khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
  - 3.5.5. Hiệp định Dệt may
  - 3.5.6. Hiệp định về các Biện pháp Tự vệ

- 3.5.7. Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp Đối kháng
- 3.5.8. Hiệp định Chống bán phá giá
- 3.6. ĐÀM PHÁN CỦA WTO
  - 3.6.1. Vòng đàm phán Doha
  - 3.6.2. Đàm phán gia nhập WTO
- 3.7. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA WTO

## **CHƯƠNG 4 - LIÊN MINH CHÂU ÂU**

### ***Giới thiệu khái quát về chương:***

Cho đến nay, Liên minh châu Âu (European Union - EU) được đánh giá là khối liên kết kinh tế khu vực có quy mô lớn và thành công nhất trên thế giới, cả về sự phát triển cũng như sự đồng thuận, hợp tác giữa các nước thành viên. Sự hình thành, phát triển của khối liên kết kinh tế khu vực này đã có những tác động không nhỏ đến từng nước thành viên, đến khu vực châu Âu và toàn bộ thế giới. Nội dung của chương này sẽ tập trung giới thiệu những vấn đề cơ bản về EU và tác động của quá trình hình thành, vận động phát triển của khối liên kết này. *Phần đầu* của chương giới thiệu về lịch sử hình thành EU. *Phần thứ hai* là nội dung hợp tác, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của EU. *Phần thứ ba* sẽ giới thiệu về các thể chế cơ bản của EU. *Phần thứ tư*, tập trung phân tích sự ra đời và tác động của đồng tiền chung châu Âu. *Phần cuối cùng* của chương giới thiệu các nội dung cơ bản về chính sách của EU đối với các nước đang phát triển cũng như mối quan hệ giữa Việt Nam và EU trong thời gian qua.

- 4.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH LIÊN MINH CHÂU ÂU
- 4.2. NỘI DUNG HỢP TÁC CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU
  - 4.2.1. Nội dung hợp tác trong liên minh châu Âu
  - 4.2.2. Cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hợp tác của EU
- 4.3. ĐỒNG TIỀN CHUNG CHÂU ÂU
  - 4.3.1. *Sự ra đời và vị thế của đồng tiền chung châu Âu*
  - 4.3.2. *Tác động của đồng tiền chung châu Âu*
- 4.4. LIÊN MINH CHÂU ÂU VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN
  - 4.4.1. Giai đoạn Công ước Lome' và Hiệp định Cotonou
  - 4.4.2. Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập
- 4.5. THỰC TRẠNG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ EU, VÀ CHÍNH SÁCH CỦA EU ĐỐI VỚI VIỆT NAM
  - 4.5.1. Tổng quan quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam- EU
  - 4.5.2. Chính sách thương mại của EU đối với Việt Nam

## **Chương 5: HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á**

### ***Giới thiệu khái quát về chương:***

Trải qua hơn 45 năm ra đời và phát triển, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thu được nhiều thành tựu to lớn, được dư luận thế giới đánh giá cao như là một tổ chức khu vực thành công nhất trong các nước đang phát triển. ASEAN và những định chế của nó ngày càng có những ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng đến phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Chương này sẽ nghiên cứu sự lịch sử ra đời ASEAN và

những nội dung chính của quá trình hội nhập kinh tế trong nội bộ khối và với các quốc gia bên ngoài khối của ASEAN.

## 5.1. TỔNG QUAN VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA ASEAN

5.1.1. Lịch sử ra đời của ASEAN

5.1.2. Quá trình hội nhập kinh tế của ASEAN

## 5.2. KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN

5.2.1. Giới thiệu chung về AFTA

5.2.2. Sự ra đời của AFTA

5.2.3. Hiệp định về thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung

## 5.3. CỘNG ĐỒNG ASEAN

5.3.1. Quá trình hình thành

5.3.2. Nội dung chính của Cộng đồng ASEAN

5.3.3. Đánh giá chung về triển vọng của Cộng đồng Kinh tế ASEAN và tác động đối với kinh tế Việt Nam

## 5.4. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA ASEAN VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI KHU VỰC

5.4.1. ASEAN +1

5.4.2. ASEAN + 3

5.4.3. Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á

5.4.4. Diễn đàn Khu vực ASEAN

## **CHƯƠNG 6 - HỘI NHẬP KINH TẾ ĐÔNG Á**

### ***Giới thiệu khái quát về chương:***

Cộng đồng Đông Á theo nghĩa hẹp và cập nhật, bao gồm 10 nước thành viên ASEAN: Cam-pu-chia, Bru-nây, Lào, In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a, Mi-an-ma, Xing-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam và Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân. Cộng đồng Đông Á ngày càng giữ vai trò quan trọng trên bản đồ chính trị và kinh tế thế giới. Ý tưởng thành lập Cộng đồng Đông Á xuất hiện cách đây nhiều thập kỷ. Đến nay đã có những tiến bộ và thành tựu ban đầu đáng ghi nhận trong việc thành lập Cộng đồng. Tuy nhiên, trước mắt vẫn còn những khó khăn và thách thức to lớn. Chương này sẽ đi sâu trình bày và phân tích những khó khăn, thách thức của quá trình hình thành Cộng đồng Đông Á. Ngoài ra còn phân tích những vai trò của Cộng đồng đối với sự phát triển của khu vực và thế giới.

Phần đầu của chương sẽ trình bày tổng quan về lịch sử hình thành Cộng đồng. Phần thứ hai sẽ phân tích những động lực và trở lực đối với việc hình thành Cộng đồng Đông Á. Phần thứ ba sẽ trình bày về mô hình Cộng đồng kinh tế Đông Á. Phần cuối cùng dành cho giới thiệu tổng quan về kinh tế các nước Đông Á..

## 6.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

## 6.2. NHỮNG ĐỘNG LỰC VÀ TRỞ LỰC

6.2.1. Những động lực

6.2.2. Những trở lực

## 6.3. MÔ HÌNH CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ĐÔNG Á

6.3.1. Các ý tưởng về Cộng đồng Đông Á

6.3.2. Đề xuất của Nhóm Tầm nhìn Đông Á

6.3.3. Đề xuất của Nhóm Tầm nhìn Đông Á II

## **CHƯƠNG 7 - CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THAM GIA**

### ***Giới thiệu khái quát về chương:***

Hiệp định thương mại nói chung và hiệp định thương mại tự do nói riêng cơ vai trò quan trọng đối với hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia. Trong những thập niên gần đây, xu hướng ký kết các hiệp định thương mại tự do khu vực song phương hay nhiều bên là hiện tượng nổi bật trong hệ thống thương mại quốc tế. Việt Nam cũng không đứng ngoài xu hướng đó, đã, đang và sẽ đàm phán và ký kết những hiệp định thương mại khu vực quan trọng.

Để trang bị những kiến thức lý thuyết cơ bản làm cơ sở cho việc tìm hiểu và phân tích các hiệp định thương mại, *phần đầu* của chương sẽ trình bày về hiệp định thương mại và hiệp định thương mại tự do. *Phần tiếp theo* sẽ trình bày và phân tích hai hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia ký kết trong khuôn khổ của ASEAN: Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) và Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA). Nội dung tiếp theo của chương dành cho việc trình bày và phân tích các hiệp định thương mại Việt Nam đã và sẽ ký kết với các đối tác thương mại, bao gồm: hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chi-lê, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU.

#### **7.1. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VÀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO**

7.1.1. Vai trò và xu hướng ký kết các hiệp định thương mại tự do trên thế giới

7.1.2. Các khái niệm và phân loại

7.1.3. Quy tắc của GATT và WTO đối với các hiệp định thương mại khu vực

#### **7.2. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TRONG KHUÔN KHỔ ASEAN VIỆT NAM THAM GIA KÝ KẾT**

7.2.1. Hiệp định Thương mại tự do ASEAN- Trung Quốc (ACFTA)

7.2.2. Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

#### **7.3. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VIỆT NAM – HOA KỲ**

7.3.1. Quá trình hình thành và ký kết Hiệp định

7.3.2. Nội dung cơ bản của Hiệp định

7.3.3. Tác động của Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA) đối với Việt Nam

#### **7.4. HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN VIỆT NAM – NHẬT BẢN**

7.4.1. Quá trình hình thành và ký kết Hiệp định

7.4.2. Nội dung cơ bản của Hiệp định

7.4.3. Cam kết của Việt Nam trong Hiệp định đối tác VJEPA

7.4.4. Lợi ích của Việt Nam từ các cam kết của Nhật Bản trong hiệp định VJEPA

#### **7.5. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – CHI LÊ**

7.5.1. Khái quát về những cam kết trong Hiệp định

7.5.2. Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Chi lê và những tác động của Hiệp định

#### **7.6. HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG**

7.6.1. Lịch sử hình thành

7.6.2. Những nội dung đàm phán chủ yếu và những quan tâm và mục tiêu của Hoa Kỳ

7.6.3. *Những lợi ích và thách thức của Việt Nam khi tham gia Hiệp định*

7.7. HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU (FTA VN-EU)

7.7.1. Tổng quan về lịch sử hình thành

7.7.2. Ý nghĩa của ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU đối với Việt Nam

## **CHƯƠNG 8 - HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM**

### ***Giới thiệu khái quát về chương:***

Sau hơn 20 năm đổi mới, đến nay Việt Nam đã hội nhập sâu rộng và toàn diện với thế giới, cả về mặt kinh tế, chính trị và thương mại. Mục đích của chương này là cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Những kiến thức được cung cấp ở đây sẽ giúp người học có cái nhìn toàn diện về hội nhập kinh tế của Việt Nam. Từ đó có thể rút ra những đánh giá về những thành công cũng như hạn chế của hội nhập kinh tế của đất nước. Đây còn là những kiến thức sẽ hữu ích cho người học trong nghiên cứu cũng như hoạt động thực tiễn sau này.

*Phần đầu* của chương sẽ hệ thống hóa quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam được phân chia theo bốn thời kỳ: Thời kỳ 1986 – 1990; Thời kỳ 1991- 2000; 2001 – 2010; và Thời kỳ 2011 – 2014. Ở mỗi thời kỳ, sẽ hệ thống hóa những chủ trương và quan điểm cơ bản và những thành tựu quan trọng của hội nhập. *Phần thứ hai* sẽ hệ thống hóa những quan điểm cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

8.1. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ 1986-1990

8.1.1. Bối cảnh và đường lối, chính sách hội nhập

8.1.2. Thành tựu và một số hạn chế của hội nhập

8.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ 1991-2000

8.2.1. Bối cảnh và đường lối, chính sách hội nhập

8.2.2. Thành tựu và một số hạn chế của hội nhập

8.3. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ 2000-2010

8.3.1. Bối cảnh và đường lối, chính sách hội nhập

8.3.2. Thành tựu và một số hạn chế của hội nhập

8.4. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ 2011-2014

8.4.1. Bối cảnh và đường lối, chính sách hội nhập

8.4.2. Thành tựu và một số hạn chế của hội nhập

8.5. QUAN ĐIỂM HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

## **8. GIÁO TRÌNH**

8.1. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (Đồng chủ biên) (2019), *Giáo trình Hội nhập Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

## **9. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

9.1. Amr Sadek Hosny (2013), *Theories of Economic Integration: A Survey of the Economic and Political Literature*, *International Journal of Economy, Management and Social Sciences*, 2(5) May 2013, Pages: 133-155

9.2. ASEAN Secretary (2009), *Roadmap for an ASEAN Community*.



- 9.3. Ban Thư ký ASAN (2014), ,  
<http://asean.mofa.gov.vn/vi/nr130930205728/nr130930210036/ns131113230421>
- 9.4. Ban Thư ký ASEAN (1997), *ASEAN Vision 2020*,  
<http://www.asean.org/news/item/asean-vision-2020>
- 9.5. Bộ Công Thương (2010), *Hợp tác Kinh tế Việt Nam với ASEAN và ASEAN mở rộng (Bộ sách hội nhập kinh tế quốc tế)*, NXB Công Thương.
- 9.6. Bộ Ngoại giao Việt Nam và Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam (2012), *Hiệp định khung về Đối tác và Hợp tác toàn diện giữa một bên là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và một bên là Liên minh châu Âu và các quốc gia thành viên*, Hà Nội, tháng 10 năm 2012. Thiết kế và in ấn: Luck House Graphics GPXB số 621/QĐ-LĐXH Chấp nhận ĐKKH số 83-2012/CXB/283-318/LĐXH Mã số: 283-31826-12.
- 9.7. Cổng thông tin điện tử của chính phủ (2014), *Quan hệ với các tổ chức quốc tế: Liên minh Châu Âu*,  
<http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/quanhevoicactochucquocte?categoryId=100002827&articleId=10050422>, truy cập ngày 27 tháng 3 năm 2014.
- 9.8. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2011). *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*.<http://dangcongsan.vn/cpv/>.
- 9.9. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 47, 48, 49*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
- 9.10. European Commission (2013), *Generalised Scheme of Preferences*,  
[http://ec.europa.eu/trade/policy/countries-and-regions/development/generalised-scheme-of-preferences/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/trade/policy/countries-and-regions/development/generalised-scheme-of-preferences/index_en.htm), trích dẫn ngày 16 tháng 8 năm 2013).
- 9.11. European Union, “*How the EU works*”. [http://europa.eu/about-eu/index\\_en.htm](http://europa.eu/about-eu/index_en.htm). Truy cập ngày 27/3/2014.
- 9.12. Đỗ Đức Bình và Lê Tuấn Anh (2011), *Hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam: cách tiếp cận từ mô hình lực hấp dẫn*, Tạp chí Kinh tế phát triển (Số chuyên đề).
- 9.13. Inter American Development Bank (2013), *Understanding a Computable General Equilibrium Model*, <http://www.iadb.org/en/topics/trade/understanding-a-computable-general-equilibrium-model,1283.html>
- 9.14. Nguyễn Duy Dũng (chủ biên) (2012), *ASEAN từ Hiệp hội đến cộng đồng. Những vấn đề nổi bật và tác động đến Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, NXB Khoa học xã hội.
- 9.15. Nguyen Anh Thu (2009). “Assessing the Impact of Vietnam's intergration under AFTA and VJEPa on Vietnam's trade flow, gravity model approach”. *Yokohama Journal of Social Sciences*, Vol 17, No 2.
- 9.16. Sanchita Basu Das ed. (2012), *Achieving the ASEAN Economic Community 2015: Challenges for Member countries and businesses*, Institute of Southeast Asian Studies.
- 9.17. Trang web vnu.edu.vn, “*Các thể chế chính trị Liên minh châu Âu*”,  
<dl.vnu.edu.vn/bitstream/11126/2119/1/00050000180.pdf>

- 9.18. Trung tâm nghiên cứu chính sách thương mại toàn cầu (2013), *Global Trade Analysis Project*, <https://www.gtap.agecon.purdue.edu/default.asp>
- 9.19. World Trade Organisation, *The General Agreement on Tariffs and Trade. legal texts*. [http://www.wto.org/english/docs\\_e/legal\\_e/legal\\_e.htm](http://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/legal_e.htm).
- 9.20. Trung tâm WTO và hội nhập (VCCI), <http://trungtamwto.vn/fta>.

## 10. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

### 10.1. Phương pháp & phương tiện giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại với phương châm “lấy người học làm trung tâm”. Giảng viên sẽ đóng vai trò giới thiệu kiến thức và hướng dẫn sinh viên trao đổi và tranh luận thông qua nghiên cứu tình huống kinh doanh thực tế của các doanh nghiệp. Bài giảng được thiết kế đan xen các hoạt động bao gồm: Bài giảng, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, trắc nghiệm.

- Phương tiện giảng dạy: Máy tính, máy chiếu, bảng, giấy.

**10.2. Phương pháp học:** Sinh viên bắt buộc tham gia các giờ giảng, giờ thảo luận, giờ thực hành trên lớp; kết hợp với thực hiện việc tự học như sau:

- Sinh phải chủ động tìm kiếm và đọc các tài liệu tham khảo giảng viên giao trước mỗi bài giảng.

- Sinh viên phải hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giảng viên giao theo lịch trình giảng dạy.

- Sinh viên được khuyến khích nghiên cứu thêm các chủ đề và vấn đề liên quan tới môn học, và thảo luận với giảng viên về các vấn đề đó.

## 11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

### 11.1. Thang điểm đánh giá: 10

### 11.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

| TT | Điểm thành phần (Tỷ lệ %) | Quy định<br>(Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 8/3/2019)  | Chuẩn đầu ra học phần |        |        |
|----|---------------------------|---|-----------------------|--------|--------|
|    |                           |   | LO.1.1                | LO.1.2 | LO.2.1 |
| 1  | Điểm quá trình (50%)      | 1. Điểm chuyên cần<br>- Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp<br>- Hệ số: 10%         | x                     | x      | X      |
|    |                           | 2. Bài kiểm tra giữa kỳ<br>- Hình thức: Tự luận<br>- Thời điểm: Tuần học thứ 8<br>- Hệ số: 20%            | x                     | x      | X      |
|    |                           | 3. Bài tập lớn (20%)<br>- Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình<br>- Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13 | x                     | x      | X      |
| 2  | Điểm thi kết              | - Hình thức: Tự luận  | x                     | x      | x      |

|  |                        |  |  |  |  |
|--|------------------------|--|--|--|--|
|  | thức học<br>phần (50%) | - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ<br>- Tính chất: Bắt buộc |  |  |  |
|--|------------------------|--|--|--|--|

## 12. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

| Tuần học | Nội dung   | Hoạt động dạy và học  | Số tiết<br>LT/T<br>H | Tài liệu học tập, tham khảo       | CDR học phần               |
|----------|--|---|----------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| Tuần 1   | Chương 1/ Bài 1<br>- Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy<br>- Chương 1: Tổng quan về Hội nhập kinh tế quốc tế | - Hoạt động làm quen<br>- Thành lập tổ/nhóm sinh viên<br>- Bài giảng và thảo luận<br>+ Lịch sử hội nhập kinh tế quốc tế<br>+ Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế<br>+ Khái niệm cơ bản | 2/1                  | 8.1<br>9.5<br>9.12                | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 2   | Chương 1/ Bài 2:<br>Tổng quan về Hội nhập kinh tế quốc tế  | - Bài giảng<br>+ Xu hướng, lợi ích và bất lợi của hội nhập kinh tế quốc tế<br>+ Các nhân tố ảnh hưởng đến hội nhập kinh tế quốc tế<br>- Đọc tài liệu và thảo luận                     | 2/1                  | 8.1<br>9.5<br>9.12                | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 3   | Chương 2: Lý thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế  | - Bài giảng về lý thuyết về hội nhập kinh tế quốc tế<br>- Đọc tài liệu và thảo luận   | 2/1                  | 8.1<br>9.1                        | LO.1.1                     |
| Tuần 4   | Chương 3/ Bài 1:<br>Tổ chức thương mại thế giới (WTO)  | Bài giảng về chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc của WTO<br>- Đọc tài liệu và thảo luận   | 2/1                  | 8.1<br>9.19                       | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 5   | Chương 3/ Bài 2:<br>Tổ chức thương mại thế giới (WTO)  | - Bài giảng về cơ cấu tổ chức, quá trình ra quyết định, các hiệp định và đàm phán trong WTO<br>- Đọc tài liệu và thảo luận  | 2/1                  | 8.1<br>9.19                       | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 6   | Chương 4:<br>Liên minh châu Âu (EU)  | - Bài giảng về nội dung hợp tác, nguyên tắc hoạt động của EU.<br>- Đọc tài liệu và thảo luận  | 2/1                  | 8.1<br>9.6<br>9.7<br>9.11<br>9.17 | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần     | Chương 5: Hội  | - Bài giảng về hội nhập kinh  | 2/1                  | 8.1                               | LO.1.1                     |

|            |   |  |       |   |                            |
|------------|---|--|-------|---|----------------------------|
| 7          | nhập kinh tế quốc tế của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á | tế quốc tế của ASEAN, Khu vực mậu dịch tự do ASEAN và Cộng đồng kinh tế ASEAN.<br>- Đọc tài liệu và thảo luận  |       | 9.2<br>9.3<br>9.4<br>9.5<br>9.16                        | LO.1.2<br>LO.2.1           |
| Tuần 8     | Chương 6: Hội nhập kinh tế Đông Á                         | - Bài giảng về động lực, trở lực đối với hội nhập kinh tế Đông Á và mô hình cộng đồng kinh tế Đông Á.<br>- Đọc tài liệu và thảo luận<br>- Sinh viên làm bài kiểm tra giữa kỳ | 2/1   | 8.1<br>9.13   | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 9     | Thực hành   | - Đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ<br>- Thảo luận tình huống thực tế về tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp.            | 0/3   | 8.1<br>9.2<br>9.3<br>9.4<br>9.5<br>9.11<br>9.15<br>9.18 | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 10    | Chương 7: Các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia      | - Bài giảng về Các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia<br>- Đọc tài liệu và thảo luận   | 2/1   | 8.1<br>9.14<br>9.20                                     | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 11    | Chương 8: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam           | - Bài giảng về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam<br>- Đọc tài liệu và thảo luận  | 2/1   | 8.1<br>9.14<br>9.20                                     | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
| Tuần 12+13 | Thực hành   | - Đánh giá bài tập nhóm<br>- Các nhóm thuyết trình, thảo luận  | 0/4,5 |   | LO.1.1<br>LO.1.2<br>LO.2.1 |
|            |   | Tổng số  | 37,5  |   |                            |

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TS. Đỗ Thị Hương**

*Hà Nội, ngày tháng năm*

**HIỆU TRƯỞNG**